TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:76/2019/ST-HNGD
Ngày: 28/02/2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Trâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Cường

2. Bà Phan Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Mai Trinh

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 0989/TLST-HNGD ngày 12/12/2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1991

Địa chỉ: 212B/99 Đường N, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng N, sinh năm 1977

Địa chỉ: 178/14 Đường P, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Lê Hoàng N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2013 ngày 29/09/2015 tại Uỷ ban nhân dân Phường 03, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian đầu sống chung, vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng từ khoảng thời gian giữa năm 2016 ông N thường xuyên vắng nhà với lý do đi làm ăn, nhưng thực tế là ông N cờ bạc, thiếu nợ nhiều người, bà T có khuyên nhủ nhưng ông N không quan tâm. Biết chuyện, cha mẹ hai bên đã gọi ông N về khuyên bảo nhưng không cải thiện được tình hình, ông N vẫn thường xuyên vắng nhà. Thời gian hơn 3 tháng gần đây bà T đã thuê nhà trọ ở riêng, biết được

chuyện này nhưng ông N vẫn chưa một lần gọi điện hỏi thăm hay yêu cầu bà Thúy về.

Hiện nay, cuộc sống hôn nhân giữa ông N và bà không còn hạnh phúc và cũng không thể hòa hợp được nữa, thậm chí nếu kéo dài sẽ gây tổn hại tinh thần trầm trọng cho bà T. Vì vậy, bà T làm đơn xin ly hôn với ông N.

Về con chung: Không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn Ông Lê Hoàng N trình bày:

Ông và bà Lê Thị Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2013 tại Uỷ ban nhân dân phường 03, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà ba mẹ ông, địa chỉ số 178/14 Đường P, Phường B, quận Phú Nhuận. Khoảng tháng 5/2016 ông có nhận chạy xe cho một người bạn và làm một số công việc khác nên ít khi về nhà, lúc đầu bà T không nói gì. nhưng đến khoản cuối năm 2016 mỗi khi về nhà thì bà T gây gỗ những chuyện không đâu từ việc tiền bạc cho tới việc đi làm và yêu cầu ông ở nhà hoặc thay đổi công việc làm khác không đi làm đêm, thấy yêu cầu của vợ không hợp lý nên ông đồng ý, từ đó xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn và ông càng ít về nhà, chỉ gọi điện về thăm cha mẹ.

Khoảng tháng 5/2017, ông N biết bà T dọn ra ở riêng bên đường Đường N nhưng không biết địa chỉ cụ thể.

Hiện tại, mặc dù ông N và Bà T đang trong tình trạng hôn nhân nhưng thực tế ông, bà không còn sống chung đã lâu, không còn tìm thấy hạnh phúc trong đời sống vợ chồng. Vì vậy, trước yêu cầu ly hôn của bà T, ông N đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa: nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt và thống nhất đề nghị Tòa giải quyết ly hôn. Theo đó:

- *Ý kiến của nguyên đơn*: Bà Lê Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hoàng N, nội dung như đã trình bày trong bản tự khai.

- *Ý kiến của bị đơn*: Ông Lê Hoàng N đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Thanh T.

- Về con chung: bà T, ông N đều xác định là không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà T, ông N đều xác định là không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1*] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bà Lê Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hoàng N nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông Lê Hoàng N là bị đơn đang cư trú tại Phường B, quận Phú Nhuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh được pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn: nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo tham gia phiên tòa sơ thẩm, quyết định đưa vụ án ra xét xử và bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các buổi hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi hoà giải và phiên toà xét xử của Tòa án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:*

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2013 ngày 29/09/2015 tại Uỷ ban nhân dân Phường 03, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh thì hôn nhân giữa ông Lê Hoàng N và bà Lê Thị Thanh T là hôn nhân hợp pháp.

Bà Lê Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn ông Lê Hoàng N: Xét quá trình chung sống, ông N, bà T đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà T trình bày: do ông N cờ bạc, thiếu nợ nhiều người, bà đã khuyên nhủ nhưng ông không nghe mà còn trách mắng bà và bà T xác nhận tình cảm đối với cho ông N

đến nay không còn. Từ tháng 5/2017 đến nay, ông, bà đã sống ly thân, ông N không có biện pháp tích cực nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Toà án tiến hành hoà giải, tạo điều kiện cho ông, bà đoàn tụ nhưng bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn và ông N cũng thống nhất với ý kiến của bà T về việc ly hôn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông N, bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thúy.

- Về con chung: Ông N, bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Ông N, bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Ông N, bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bà Lê Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thanh T

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T được ly hôn với ông Lê Hoàng N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số AA/2017/0041401 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Hoàng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND QPN;
- Thi hành án dân sự Q.PN;
- UBND P. 3, Q.Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mai Trâm